

Hàu sông (*O. rivularis*): Thường dài 15 cm đến 25 cm, hình tròn trĩnh hoặc hình tam giác, vỏ trái lớn hơn vỏ phải, vỏ phải phẳng hơn. Mặt ngoài vỏ bên phải hơi gồ ghề, có màu xám, tía, nâu, vàng. Có vảy đồng tâm, vảy non mỏng, giòn, vảy sinh trưởng đã lâu năm nhiều tầng, mặt trong màu trắng, mép có khi có màu tía nhạt.

Hàu Đại liên (*O. talienwhanensis*): Hình tam giác, mép lưng, bụng có hình chữ V. Mặt ngoài vỏ bên phải có màu vàng nhạt, có vảy đồng tâm thưa, gợn sóng lên xuống, mặt trong màu trắng bóng; vỏ bên trái, vảy đồng tâm, dày, cứng; từ bộ phận đỉnh vỏ, tỏa ra tia sườn rõ rệt, mặt trong lõm có dạng của một cái hộp, mặt khớp nổi nhỏ.

Độ ẩm

Không được quá 5,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tạp chất

Không được quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chế biến

Mẫu lệ: Khi dùng rửa sạch, làm khô, tán vụn hoặc tán thành bột.

Mẫu lệ nung (Đoạn mẫu lệ): Lấy mẫu lệ đã rửa sạch, đặt trên lò than, nung đến khi thành màu trắng tro xốp, lấy ra để nguội, tán bột.

Bảo quản

Để nơi khô.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, tính hơi hàn. Vào các kinh can, đờm, thận.

Công năng, chủ trị

Mẫu lệ: Trọng trấn an thần, tư âm tiềm dương, làm mềm chất rắn, tán kết khối, thu liễm cố sáp. Chủ trị: Đánh trống ngực, mất ngủ, chóng mặt, ù tai, tràng nhạc, đờm hạch.

Đoạn mẫu lệ: Cố sáp. Chủ trị: Tự hãn, đạo hãn, di tinh, băng huyết, đới hạ, đau dạ dày ợ chua.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 9 g đến 30 g, dạng thuốc sắc (cho vào túi vải màn sắc mẫu lệ trước), dạng thuốc tán.

Kiểm kỵ

Nếu âm hư mà không có hỏa và ỉa chảy thuộc hàn khí thì cấm dùng.

MIẾT GIÁP

Trionycis Carapax

Mai ba ba

Mai được làm khô của con Ba ba (*Trionyx sinensis* Wiegmann), họ Ba ba (Trionychidae). Ba ba bắt được quanh năm, phần lớn thu hoạch vào mùa thu và mùa đông. Mổ lấy phần cứng ở trên lưng, loại bỏ hết thịt và da, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Miết giáp hình bầu dục hoặc hình trứng, mặt lưng cong lên, dài 10 cm đến 15 cm, rộng 9 cm đến 14 cm, mặt ngoài màu nâu đen hoặc lục sẫm, hơi sáng óng ánh, có vân lưới nhỏ, đốm màu vàng xám hoặc màu tro, dọc sống có đường gờ. Đốt sống cổ cong vào phía trong. Có 8 đôi xương sườn xếp 2 bên đốt sống thẳng ra mép. Chất cứng, mùi hơi tanh, vị mặn.

Độ ẩm

Không được quá 5,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất

Không được quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 5,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 50 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Chuẩn bị nước ngâm và nước gừng như sau:

Nước phen hoặc nước vôi loãng: Cứ 1 kg dược liệu dùng 20 g phen chua hoặc vôi sống. Hòa tan phen chua hoặc vôi sống trong lượng nước vừa đủ ngập dược liệu.

Nước gừng: Lấy gừng tươi giã nát, thêm chút nước vắt lấy dịch đặc, lượng vừa đủ làm ẩm dược liệu.

Tiến hành:

Ngâm dược liệu vào nước phen 01 đêm hoặc ngâm nước vôi loãng 3 ngày (mỗi ngày thay nước 01 lần).

Sau khi ngâm dùng bàn chải đánh sạch thịt và màng, rửa sạch. Để ráo, tắm nước gừng, để khô. Dùng cát nóng sao vàng (cách sao theo hướng dẫn tại phụ lục 12.20), tắm giấm (cứ 10 kg dược liệu dùng 2 L giấm), để khô, rửa sạch, sấy nhẹ hoặc phơi khô. Giã giập khi dùng vào thuốc thang. Ghi chú: Có thể làm sạch mai Ba ba bằng cách luộc sôi 1 h đến 2 h, lấy ra bóc sạch thịt và màng, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.

Bảo quản

Để nơi khô, tránh sâu, mọt, thỉnh thoảng đem phơi lại.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, tính hơi hàn. Vào các kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Tư âm tiềm dương, nhuận kiên, thoái nhiệt, trừ trưng hà. Chủ trị: Dùng điều trị âm hư phát sốt, lao nhiệt nóng trong xương, hư phong nội động, phụ nữ kinh bế, trưng hà, sốt rét lâu ngày có báng, gan lách to.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 9 g đến 24 g, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán. Thường phối hợp với các loại thuốc khác.

Kiểm kỵ

Hư mà không nhiệt, vị yếu hay nôn mửa, tỳ hư có tiết tả, phụ nữ có thai không nên dùng.